TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-ST

Ngày: 10-01-2024

V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Diệu

Ông Lê Thành Đông

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 378/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 395/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: số X, đường Nam Kỳ Khởi N, phườngC, Quận V, Thành phố Hồ Chí M.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng A.

Địa chỉ: số X, đường Nam Kỳ Khởi N, phường C, Quận V, Thành phố Hồ Chí M.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc T. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970.

2.Bị đơn: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm: 1992;

Địa chỉ: số X, ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Ông M, ông N vắng mặt; Ông M có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lã Ngọc M trình bày:

Vào ngày 31/01/2018, ông Nguyễn Thành N có ký với ngân hàng TMCP A hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của ngân hàng - các tài liệu

này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 472075-9579 với hạn mức sử dụng là 35.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.010.141.860 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông N đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 981.671.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bản sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự sau:

Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước;

Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước;

Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước;

Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ;

Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ;

Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ;

Qua nhiều lần làm việc nhắc nhỡ, nhưng ông N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông N vi phạm N vụ thanh toán theo (Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng), ngày 01/3/2021 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ hiện tại thời điểm này là 39.762.977 đồng làm nợ gốc và tính lãi hàng tháng trên dự nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, lãi suất trong hạn là 2.6%/tháng x 150% = 3.9%/ tháng lãi quá hạn.

Mặc dù ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông N, yêu cầu ông N có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông N trả nợ, tuy nhiên ông N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho ngân hàng, vi phạm các điều khoản tại hợp đồng đã ký kết.

Vì vậy, ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 13/12/2023 là 92.385.433 đồng, trong đó tiền gốc 39.762.977 đồng, tiền lãi quá hạn là 52.622.456 đồng. Đồng thời yêu cầu ông N thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 14/12/2023 cho đến khi trả tất nợ theo lãi suất được quy định tại Hợp đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự nhưng ông N đều vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập ông N tham gia phiên tòa, nhưng ông cũng vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Thành N có địa chỉ thường trú tại xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại Điều khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lã Ngọc M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Thành N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Vào ngày 31/01/2018, ông Nguyễn Thành N có ký với ngân hàng TMCP A hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của ngân hàng với hạn mức sử dụng là 35.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Giấy đề nghị có hiệu lực pháp luật ràng buộc quyền và N vụ của hai bên. Số tiền thanh toán được áp dụng theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng, hình thức thanh toán vào ngày cuối mỗi tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.010.141.860 đồng, đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 981.671.000 đồng theo bản sao kê tóm tắt đính kèm. Từ tháng 01/2021 đến nay, ông N không thanh toán lãi và các loại phí theo định kỳ như thỏa thuận. Ngày 01/3/2021, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ hiện tại thời điểm này là 39.762.977 đồng làm nợ gốc và tính lãi hàng tháng trên dự nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, lãi suất trong hạn là 2.6%/tháng x 150% = 3.9%/tháng lãi quá hạn.

Ông N đã vi phạm N vụ trả nợ theo thỏa thuận. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông N thanh toán số nợ còn lại, nhưng ông vẫn không thực hiện. Do đó, việc ngân hàng yêu cầu ông N trả số nợ trên là phù hợp. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông N vắng mặt và cũng không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông N đã vi phạm thời hạn trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền gốc 39.762.977 đồng đồng và tiền lãi 52.622.456 đồng đồng tính đến ngày 13/12/2023 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 14/12/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi quá hạn được quy định tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay. Theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng thì việc yêu cầu tính lãi suất phát sinh đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A được chấp nhận nên ông N có N vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 92.385.433 đồng x 5% = 4.619.271 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 288, 351, 352, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Bân sự;

Căn cứ các Điều 147, 192, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A. Buộc ông Nguyễn Thành N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền gốc và lãi tính đến ngày 13/12/2023 là 92.385.433 (chín mươi hai triệu, ba trăm tám mươi làm nghìn, bốn trăm ba mươi ba) đồng. Trong đó tiền gốc là 39.762.977 (ba mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm bảy mươi bảy) đồng, tiền lãi quá hạn là 52.622.456 (năm mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm năm mươi sáu) đồng.

Ông Nguyễn Thành N còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 14/12/2023 trên số nợ gốc theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 31/01/2018, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của ngân hàng cho đến khi trả hết nợ.

[3] Về án phí:

- Ông Nguyễn Thành N có N vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.619.271 (bốn triệu, sáu trăm mười chín nghìn, hai trăm bảy mươi mốt) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí M hoàn lại cho ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.821.146 (một triệu, tám trăm hai mươi mốt nghìn, một trăm bốn mươi sáu) đồng.

[4] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan